

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	13 - 27
8. Phụ lục	28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 773/QĐ – BXD ngày 11 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005941 ngày 18 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy phép đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 10 tháng 12 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 870 tỷ lên 1.100 tỷ.

Vốn điều lệ 1.100.000.000.000 VND

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Vốn góp – VND	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	72.543.873	725.438.730.000	73%
Các cổ đông khác	37.456.127	374.561.270.000	37%
Cộng	110.000.000	1.000.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 8966608 - 8964484
Fax : 8967635
E-mail : htl@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 0301446422-1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban Quản lý dự án	Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Tiêu thụ và dịch vụ xi măng Hà tiên 1	Số 19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây dựng	Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng, sản xuất, khai thác, mua bán cát đá sỏi, phụ gia cho sản xuất vật liệu xây dựng (không khai thác tại trụ sở). Xây dựng dân dụng. kinh doanh bất động sản (cao ốc văn phòng cho thuê). Dịch vụ bến cảng, dịch vụ bốc xếp hàng hóa. Cho thuê kho bãi. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa, bằng đường sắt. Trồng, khai thác: rừng trồng, cây công nghiệp; chế biến gỗ (không chế biến tại trụ sở).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch	21 tháng 6 năm 2007
Ông Ngô Minh Lãng	Ủy viên	27 tháng 12 năm 2006
Ông Nguyễn Văn Chuyển	Ủy viên	27 tháng 12 năm 2006
Ông Mai Văn Yên	Ủy viên	27 tháng 12 năm 2006
Ông Tô Hải	Ủy viên	27 tháng 12 năm 2006
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên	27 tháng 12 năm 2006
Ông Triệu Quốc Khải	Ủy viên	21 tháng 6 năm 2007

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Minh Huy	Trưởng ban	14 tháng 04 năm 2008	
Bà Vy Thùy Vân	Thành viên	18 tháng 4 năm 2009	
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên	27 tháng 12 năm 2006	18 tháng 4 năm 2009
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên	27 tháng 12 năm 2006	
Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên	14 tháng 04 năm 2008	
Bà Nguyễn Thị Tố Nga	Thành viên	27 tháng 12 năm 2006	

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Minh Lãng	Giám đốc	21 tháng 6 năm 2007	
Ông Mai Văn Yên	Phó Giám đốc	27 tháng 12 năm 2006	
Ông Hoàng Kim Cường	Phó Giám đốc	27 tháng 12 năm 2006	
Ông Mai Anh Tài	Phó Giám đốc	27 tháng 08 năm 2007	27 tháng 03 năm 2009
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng kế toán thống kê tài chính	01 tháng 06 năm 2009	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Minh Lăng
Giám đốc

Ngày 07 tháng 03 năm 2010.



www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City
Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City

- Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
- Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
- Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
- Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

Số: 0123/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 22 tháng 01 năm 2010, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2010.

han

Hoàng Thanh Hải - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0198/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		888.198.510.305	1.696.701.474.121
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	158.213.544.035	82.650.055.508
1. Tiền	111		158.213.544.035	82.650.055.508
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.055.501.400	5.723.536.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.537.927.414	19.191.393.280
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.482.426.014)	(13.467.857.280)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		266.101.767.527	478.674.045.319
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	143.181.077.035	176.821.735.485
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	113.873.147.399	275.629.340.382
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	9.047.543.093	26.222.969.452
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		417.148.392.498	1.128.951.153.694
1. Hàng tồn kho	141	V.5	417.148.392.498	1.128.951.153.694
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.679.304.845	702.683.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.609.263.035	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.070.041.810	702.683.600

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.377.015.377.786	3.951.191.368.690
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.137.305.903.446	3.737.960.724.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.385.964.508.805	353.490.456.660
Nguyên giá	222		1.814.251.323.143	716.714.260.306
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(428.286.814.338)	(363.223.803.646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	85.407.428.189	85.568.512.637
Nguyên giá	228		89.544.343.362	89.376.571.362
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.136.915.173)	(3.808.058.725)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	4.665.933.966.452	3.298.901.754.755
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		48.580.000.000	48.160.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		56.000.000.000	56.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.420.000.000)	(7.840.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		191.129.474.340	165.070.644.638
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		189.295.084.210	164.752.281.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.10	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.834.390.130	318.363.638
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.265.213.888.091	5.647.892.842.811

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.096.889.655.620	4.672.476.104.238
I. Nợ ngắn hạn	310		1.339.937.511.655	1.674.730.954.576
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	742.303.071.987	603.484.082.577
2. Phải trả người bán	312	V.12	524.159.514.796	1.025.736.503.754
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	5.772.840.158	959.069.414
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	8.018.652.122	7.992.530.750
5. Phải trả người lao động	315	V.15	36.083.433.261	11.066.728.943
6. Chi phí phải trả	316	V.16	6.159.654.952	1.055.210.304
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	17.440.344.379	24.436.828.834
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.756.952.143.965	2.997.745.149.662
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	4.756.952.143.965	2.997.745.149.662
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.19	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.168.324.232.471	975.416.738.573
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.170.972.983.231	979.194.566.255
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	1.100.000.000.000	870.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		68.945.452.346	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(902.752.100)	(902.752.100)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(215.666.661.549)	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		47.284.353.739	22.200.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.200.000.000	10.300.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	157.112.590.795	77.597.318.355
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(2.648.750.760)	(3.777.827.682)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.21	(2.648.750.760)	(3.777.827.682)
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.265.213.888.091	5.647.892.842.811

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		9.725,60	11.436,90
Euro (EUR)		41.906,12	284,95
Dollar HongKong (HKD)		7.117.262,76	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2010


Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu


Phạm Đình Nhật Cường
Kế toán trưởng


Ngô Minh Lăng
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.840.818.898.033	2.557.285.864.504
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	23.976.197.200	20.498.628.492
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.816.842.700.833	2.536.787.236.012
4. Giá vốn hàng bán	11		2.291.272.590.138	2.227.603.791.757
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		525.570.110.695	309.183.444.255
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	8.886.679.951	22.257.563.519
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	80.554.342.831	92.475.367.181
Trong đó: chi phí lãi vay	23		66.435.177.497	39.775.211.971
8. Chi phí bán hàng	24		143.533.605.036	91.044.395.770
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	118.300.960.652	69.069.852.961
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		192.067.882.127	78.851.391.862
11. Thu nhập khác	31		3.400.916.702	973.203.491
12. Chi phí khác	32	VI.5	11.959.426.663	2.227.276.997
13. Lợi nhuận khác	40		(8.558.509.961)	(1.254.073.506)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		183.509.372.166	77.597.318.356
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		22.896.781.370	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		160.612.590.796	77.597.318.356
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.697	892

TP.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2010


 Trương Thị Thu Hương
 Người lập biểu


 Phạm Đình Nhật Cường
 Kế toán trưởng


 Ngô Minh Lăng
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		183.509.372.166	77.597.318.356
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8-9	71.767.170.675	39.575.814.278
- Các khoản dự phòng	03	V.3,12	(8.405.431.266)	21.307.857.280
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		7.842.144.392	42.737.370.459
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.620.386.218)	(4.084.957.585)
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	66.435.177.497	39.775.211.971
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		315.528.047.247	216.908.614.759
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		174.595.656.547	129.246.265.351
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		711.802.761.196	(621.681.647.401)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(483.859.561.635)	613.974.535.622
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(30.360.480.012)	7.114.385.467
- Tiền lãi vay đã trả	13		(61.330.732.849)	(23.914.586.928)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(18.914.398.318)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.888.070.647	90.930.299.661
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.644.634.187)	(9.589.833.760)
- Chênh lệch tỉ giá trong giai đoạn đầu tư			(14.542.152.893)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		599.162.575.742	402.988.032.771
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.465.412.457.134)	(2.756.321.024.123)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	0	33.737.273	120.909.090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	-	(7.882.934.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.653.465.866	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	0	-	(42.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.2	5.704.432.812	4.292.241.532
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.454.020.821.183)	(2.801.790.807.501)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		298.945.452.346	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.20	-	(902.752.100)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15-20	3.188.005.516.673	3.235.318.569.662
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15-20	(1.508.526.136.257)	(732.129.885.400)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(47.876.400.000)	(60.772.218.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.930.548.432.762	2.441.513.713.662
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		75.690.187.319	42.710.938.932
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	82.650.055.508	39.933.872.084
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(126.698.792)	5.244.492
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	158.213.544.035	82.650.055.508

TP.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2010


Trương Thị Thu Hương
 Người lập biểu


Phạm Đình Nhật Cường
 Kế toán trưởng


Ngô Minh Lăng
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng. Xây dựng dân dụng. kinh doanh bất động sản (cao ốc văn phòng cho thuê).
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Công ty thực hiện tăng vốn lên 1.100 tỷ Đồng.

Trạm nghiền Phú Hữu chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2009 và nhà máy Bình Phước đang trong giai đoạn chạy thử.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Giá trị tài sản của công ty được chuyển giao từ doanh nghiệp nhà nước theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 27/9/2006 của Công ty Kiểm toán Việt Nam. Kết quả đánh giá lại tài sản của Công ty được Bộ Xây dựng phê duyệt bởi Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10/10/2006 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và quyết định số 960/QĐ-BXD ngày 03/07/2007 về giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm bàn giao 18/01/2007 từ DNNN sang Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Giá trị của các tài sản cố định của Trạm nghiền Phú Hữu chưa được quyết toán nên toàn bộ tài sản của Trạm nghiền đang được ghi nhận tăng và khấu hao theo giá tạm tính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	3 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	5 – 20

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Cụ thể như sau:

Giá trị quyền sử dụng đất: là giá trị chuyển nhượng và đánh giá lại của 20 ha đất tại Phước Cơ, Thành phố Vũng Tàu.

Chi phí đền bù: các chi phí bồi thường và hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, cây trồng cho các hộ dân cư ngụ tại mỏ đá Vĩnh Tân – Đồng Nai. Chi phí đền bù phân bổ trong 10 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Giá trị thương hiệu

Đây là giá trị thương hiệu của Công ty được xác định bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young theo Báo cáo định giá ngày 25 tháng 6 năm 2006 và được định giá lại theo Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10/10/2006 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu được phân bổ trong 30 năm.

Giá trị quyền sử dụng đất trạm nghiên cứu Phú Hữu

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời gian thuê đất là 50 năm. Quyền sử dụng đất này được phân bổ 25 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm thứ 3 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Năm 2009, Công ty thực hiện thay đổi chính sách ghi nhận khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ của ban quản lý vào tài khoản 413 và sẽ thực hiện phân bổ trong thời gian tối đa 5 năm kể từ khi dự án hoàn thành đi vào sản xuất theo Công văn chấp thuận số 9636/BTC-TCĐN ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Năm 2008 toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đã được kết chuyển vào kết quả kinh doanh, tuy nhiên Công ty không tiến hành điều chỉnh hồi tố cho năm trước vì chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ tài chính về vấn đề này.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2008	: 16.977 VND/USD
31/12/2008	: 24.701 VND/EUR
31/12/2009	: 17.941 VND/USD
31/12/2009	: 27.010 VND/EUR

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	129.121.149	535.444.561
Tiền gửi ngân hàng	141.038.578.576	82.114.610.947
Tiền đang chuyển	17.045.844.310	-
Cộng	158.213.544.035	82.650.055.508

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	13.537.927.414	19.191.393.280
- Cổ phiếu	13.537.927.414	19.191.393.280
Cộng	13.537.927.414	19.191.393.280

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(5.482.426.014)	(13.467.857.280)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	(5.482.426.014)	(13.467.857.280)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng mua xi măng	132.574.400.390	167.488.616.139
Các khách hàng mua gạch, cát, vữa	4.758.494.913	6.100.849.367
Các khách hàng khác	5.848.181.732	3.232.269.979
Cộng	143.181.077.035	176.821.735.485

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị & khu Công nghiệp Việt Nam (IDICO)	-	45.404.303.392
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	-	56.613.683.854
Công ty Trí Việt Thành	20.000.000.000	8.718.332.600
Liên doanh TVT & Công ty Xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng	57.065.194.458	95.888.697.489
Các nhà cung cấp khác	36.807.952.941	69.004.323.047
Cộng	113.873.147.399	275.629.340.382

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Công ty bảo hiểm Deves	-	762.149.283
Thuế GTGT nhập khẩu chưa kê khai khấu trừ	8.339.918.451	25.142.217.720
Các khoản phải thu khác	707.624.642	318.602.449
Cộng	9.047.543.093	26.222.969.452

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	34.742.857.142	649.634.165.176
<i>Trong đó: thiết bị của dự án</i>	-	631.255.479.912
Nguyên liệu, vật liệu	271.637.974.874	420.168.764.407
<i>Trong đó: thiết bị của dự án</i>	-	9.775.429.952
Công cụ, dụng cụ	2.118.169.730	673.104.286
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	75.986.807.101	42.978.978.502
Thành phẩm	32.662.583.651	15.496.141.323
Cộng	417.148.392.498	1.128.951.153.694

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	292.690.961.321	372.192.310.713	42.813.730.302	9.017.257.970	716.714.260.306
Tăng trong năm	-	1.078.080.478.920	18.547.110.461	1.584.884.056	1.098.212.473.437
Mua sắm mới	-	5.837.708.772	3.045.971.999	1.584.884.056	10.468.564.827
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.072.242.770.148	15.501.138.462	-	1.087.743.908.610
Giảm trong năm	(371.798.990)	(130.036.698)	-	(173.574.912)	(675.410.600)
Phân loại lại	(371.798.990)	(130.036.698)	-	(173.574.912)	(675.410.600)
Số cuối năm	292.319.162.331	1.450.142.752.935	61.360.840.763	10.428.567.114	1.814.251.323.143
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	89.412.366	84.789.757.132	-	5.661.273.903	90.540.443.401
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	115.339.657.039	212.366.394.297	28.621.554.730	6.896.197.580	363.223.803.646
Tăng trong năm	10.476.556.424	52.276.707.417	7.927.870.010	757.180.376	71.438.314.227
Khấu hao trong năm	10.476.556.424	52.276.707.417	7.927.870.010	757.180.376	71.438.314.227
Giảm trong năm	(332.807.646)	(5.882.451.637)	-	(160.044.252)	(6.375.303.535)
Thanh lý, nhượng bán	(332.807.646)	(64.774.835)	-	(160.044.252)	(557.626.733)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(5.817.676.802)	-	-	(5.817.676.802)
Số cuối năm	125.483.405.817	258.760.650.077	36.549.424.740	7.493.333.704	428.286.814.338
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	177.351.304.282	159.825.916.416	14.192.175.572	2.121.060.390	353.490.456.660
Số cuối năm	166.835.756.514	1.191.382.102.858	24.811.416.023	2.935.233.410	1.385.964.508.805

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	86.789.508.560	909.098.120	1.677.964.682	89.376.571.362
Tăng trong năm	-	-	167.772.000	167.772.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	86.789.508.560	909.098.120	1.845.736.682	89.544.343.362
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.789.508.560	-	1.625.298.320	3.414.806.880
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.777.802.016	389.583.836	1.640.672.873	3.808.058.725
Tăng trong năm	11.706.544	303.032.712	14.117.192	328.856.448
<i>Khấu hao trong năm</i>	11.706.544	303.032.712	14.117.192	328.856.448
Giảm trong năm	-	-	-	-
<i>Chuyển Ban quản lý dự án</i>	-	-	-	-
Số cuối năm	1.789.508.560	692.616.548	1.654.790.065	4.136.915.173
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	85.011.706.544	519.514.284	37.291.809	85.568.512.637
Số cuối năm	85.000.000.000	216.481.572	190.946.617	85.407.428.189

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản tự làm	2.012.723.216	2.416.840.174
XDCB dở dang	4.657.297.307.826	3.287.030.937.715
<i>Dự án Bình Phước</i>	4.607.425.091.487	2.505.242.810.567
<i>Trạm nghiền Xi măng Quận 9</i>	-	748.768.260.378
<i>Mỏ đá Vĩnh Tân</i>	22.081.170.466	18.937.946.234
<i>Dự án Văn phòng 360 Bến Chương Dương</i>	25.197.288.460	13.690.505.988
<i>Các công trình khác</i>	2.593.757.413	391.414.548
Sửa chữa lớn	6.623.935.410	9.453.976.866
Cộng	4.665.933.966.452	3.298.901.754.755

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	56.000.000.000	56.000.000.000
<i>Công ty cổ phần thạch cao xi măng</i>	14.000.000.000	14.000.000.000
<i>Công ty cổ phần cao su Bến Thành</i>	42.000.000.000	42.000.000.000
Cộng	56.000.000.000	56.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cụ thể :

<i>Nội dung</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Mệnh giá</i>	<i>Tổng giá trị theo mệnh giá</i>	<i>Giá trị đầu tư</i>
Công ty cổ phần Thạch cao xi măng	700.000	10.000	7.000.000.000	14.000.000.000
Công ty cổ phần cao su Bến Thành	2.100.000	10.000	21.000.000.000	42.000.000.000
CỘNG			28.000.000.000	56.000.000.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác		
<i>Công ty cổ phần Thạch cao xi măng</i>	<i>(7.420.000.000)</i>	<i>(7.840.000.000)</i>
Cộng	(7.420.000.000)	(7.840.000.000)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Giá trị thương hiệu	164.752.281.000	-	(6.000.000.000)	158.752.281.000
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng trạm nghiền Phú Hữu	-	36.360.480.012	(5.817.676.802)	30.542.803.210
Cộng	164.752.281.000	36.360.480.012	(11.817.676.802)	189.295.084.210

14. Tài sản dài hạn khác

Thể hiện khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	317.687.941.124	343.701.737.340
<i>Các Ngân hàng trong nước</i>	<i>151.327.776.622</i>	<i>233.444.137.416</i>
<i>Các Ngân hàng nước ngoài</i>	<i>166.360.164.502</i>	<i>110.257.599.924</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	144.578.529.196	235.603.275.237
<i>Công ty cổ phần tài chính Xi Măng (CFC)</i>	<i>91.168.786.089</i>	<i>70.000.000.000</i>
<i>Tổng công ty CN Xi Măng Việt Nam (VICEM)</i>	<i>53.409.743.107</i>	<i>165.603.275.237</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19)	280.036.601.667	24.179.070.000
<i>Ngân hàng Công thương VN – SGDII</i>	<i>8.297.436.257</i>	<i>13.653.535.000</i>
<i>Ngân hàng Ngoại thương VN – TP.HCM</i>	<i>6.672.498.743</i>	<i>10.525.535.000</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư & phát triển – SGD II</i>	<i>106.666.666.667</i>	-
<i>Các ngân hàng khác</i>	<i>158.400.000.000</i>	-
Cộng	742.303.071.987	603.484.082.577

Đây là các khoản vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIỀN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Lãi chênh lệch tỉ giá và kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Lãi chênh lệch tỉ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	343.701.737.340	969.029.626.598	18.026.252.738	(1.005.910.373.461)	(7.159.302.091)	317.687.941.124
Vay ngắn hạn các tổ chức	235.603.275.237	367.911.946.755	-	(458.936.692.796)	-	144.578.529.196
Vay dài hạn đến hạn trả	24.179.070.000	-	280.036.601.667	(24.179.070.000)	-	280.036.601.667
Cộng	603.484.082.577	1.336.941.573.353	298.062.854.405	(1.489.026.136.257)	(7.159.302.091)	742.303.071.987

16. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Siam City Cement Public Co., Ltd	17.188.189.568	24.504.241.209
Công ty xi măng Tam Điệp	-	53.737.609.640
Công ty ABB – Switzerland	51.727.761.237	125.425.811.513
Công ty Haver & Boecker	13.339.232.607	12.418.356.416
Công ty Loesche	89.242.655.333	280.378.209.397
Công ty Polysius	-	197.461.416.755
Công ty Lắp máy 69-3	10.054.321.090	-
Các nhà cung cấp khác	352.607.354.960	331.810.858.824
Cộng	524.159.514.796	1.025.736.503.754

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	47.966.276	-	47.966.276	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	200.927.064.970	200.927.064.970	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	7.262.109.907	71.175.325.903	75.220.734.469	3.216.701.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.896.781.370	18.914.398.318	3.982.383.052
Thuế thu nhập cá nhân	562.569.567	1.881.119.090	1.948.193.728	495.494.929
Thuế tài nguyên	99.197.000	3.254.960.800	3.054.149.000	300.008.800
Thuế nhà đất	-	4.818.083	4.818.083	-
Tiền thuê đất	-	3.316.406.000	3.316.406.000	-
Các loại thuế khác	-	8.500.000	8.500.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.688.000	261.088.000	257.712.000	24.064.000
Cộng	7.992.530.750	303.726.064.216	303.699.942.844	8.018.652.122

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	10%
Xi măng, gạch	Từ 1/5/09 là 5%
Vữa, Cát tiêu chuẩn, phế liệu, clinker v.v...	5%
Vận chuyển	5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.12.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	183.509.372.165	77.597.318.356
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(335.121.206)	57.229.836
- Các khoản điều chỉnh tăng	294.698.794	199.346.204
- Các khoản điều chỉnh giảm	(629.820.000)	(142.116.368)
Tổng thu nhập chịu thuế	183.174.250.959	77.654.548.192
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	45.793.562.740	21.743.273.494
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(22.896.781.370)	(21.743.273.494)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.896.781.370	-

Hoạt động của trạm nghiền Phú Hữu lỗi nên chưa được hưởng thuế suất ưu đãi.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá tại mỏ đá Vĩnh Tân với mức thuế suất là 7% dựa trên giá tính thuế và sản lượng đá khai thác.

Tiền thuê đất

Nộp theo các Hợp đồng thuê đất của kho, văn phòng, nhà cửa tại Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng và mỏ đá tại Vĩnh Tân, Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay phải trả.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	908.461.380	651.126.516
Phải trả Tổng công ty	11.254.285.251	20.606.788.868
Các khoản phải trả khác	5.277.597.748	3.178.913.450
Cộng	17.440.344.379	24.436.828.834

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng		
- Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở Giao dịch II ^(a)	-	8.311.437.257
- Ngân hàng Ngoại thương VN – chi nhánh TP.HCM ^(a)	-	6.658.497.442
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Sở Giao dịch II ^(b)	530.764.862.141	600.000.000.000
- Vay hợp vốn của 8 Ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & phát triển – Sở Giao dịch II làm đầu mối ^(c)	1.718.475.836.077	1.098.441.280.049
- Ngân hàng Société Générale ^(d)	2.507.711.445.747	1.284.333.934.914
Cộng	4.756.952.143.965	2.997.745.149.662

(a) Khoản vay tín chấp Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở Giao dịch II và Ngân hàng Ngoại thương VN – chi nhánh TP.HCM góp vốn Liên doanh xi măng Holcim Việt Nam, thời hạn vay từ 10 – 11 năm và dự án cải tạo môi trường thời hạn vay 10 năm. Khi cổ phần hóa, toàn bộ khoản đầu tư Dự án Công ty xi măng Holcim Việt Nam được chuyển về cho Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

(b) Khoản vay tín chấp Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Sở Giao dịch II để tài trợ dự án trạm nghiền Quận 9, thời hạn vay 10 năm.

(c) Khoản vay thế chấp bằng tài sản của 2 dự án, được tài trợ vốn vay hợp vốn của 8 Ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & phát triển – Sở Giao dịch II làm đầu mối để tài trợ cho dự án Xi măng Bình Phước với khoản tín dụng tối đa là 1.980 tỷ đồng, thời hạn vay 11 năm.

(d) Khoản vay có bảo lãnh của Bộ Tài chính, vay ngân hàng Société Générale để tài trợ gói thiết bị số 1 Dự án Xi măng Bình Phước với hạn mức EUR51.584.785 và USD17.082.379, thời hạn vay 13 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số kết chuyển trong năm</u>	<u>Trả tiền vay</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	2.997.745.149.662	1.857.619.087.314	201.124.508.656	(280.036.601.667)	(19.500.000.000)	4.756.952.143.965
Cộng	2.997.745.149.662	1.857.619.087.314	201.124.508.656	(280.036.601.667)	(19.500.000.000)	4.756.952.143.965

21. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	725.438.730.000	565.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên,...	374.561.270.000	304.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	68.945.452.346	-
Cổ phiếu quỹ (*)	(902.752.100)	(902.752.100)
Cộng	1.168.042.700.246	869.097.247.900

Công ty có mua lại 48.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.000.000	87.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	87.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	48.000	48.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	109.952.000	86.952.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Công ty đã thực hiện thu góp vốn để thực hiện tăng vốn lên 1.100 tỷ đồng.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Trong năm Công ty đang tạm trích quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2009 là 3,5 tỷ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.840.818.898.033	2.557.285.864.504
- Xi măng	2.812.928.096.749	2.508.693.055.724
- Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát ISO	18.772.291.505	28.960.397.910
- Vật liệu phụ, phụ tùng, phế liệu và các dịch vụ khác	9.118.509.779	19.632.410.870
Các khoản giảm trừ doanh thu	(23.976.197.200)	(20.498.628.492)
- Chiết khấu thương mại	(23.976.197.200)	(20.498.628.492)
Doanh thu thuần	2.816.842.700.833	2.536.787.236.012

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xi măng thành phẩm	2.271.950.998.325	2.196.496.062.964
Giá vốn thành phẩm xi măng xây dựng, gạch các loại, cát ISO	17.186.196.351	25.196.753.486
Giá vốn clinker, vật liệu và cung cấp các dịch vụ khác	2.135.395.462	5.910.975.307
Cộng	2.291.272.590.138	2.227.603.791.757

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.074.612.812	2.879.155.539
Cổ tức, lợi nhuận được chia	629.820.000	1.413.085.993
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	17.965.321.987
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.657.943.390	-
Khác	524.303.749	-
Cộng	8.886.679.951	22.257.563.519

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	66.435.177.497	39.775.211.971
Chiết khấu thanh toán	4.343.491.844	2.776.129.122
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.842.144.392	8.717.799.383
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.119.675.996	19.898.369.425
Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(8.490.290.086)	-
Lỗ kinh doanh chứng khoán	1.427.347.438	21.307.857.280
Khác	876.795.750	-
Cộng	80.554.342.831	92.475.367.181

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	19.215.673.996	12.572.033.942
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	107.511.176	1.115.153.590
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	557.120.666	428.961.313
Chi phí khấu hao TSCĐ	576.934.972	614.274.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.800.237.939	18.004.556.109
Chi phí khuyến mãi	62.963.614.042	50.987.199.477
Chi phí quảng cáo	29.390.761.865	4.530.165.015
Chi phí bằng tiền khác	5.921.750.380	2.792.051.640
Cộng	143.533.605.036	91.044.395.770

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	46.996.716.817	30.114.300.354
Chi phí vật liệu quản lý	3.694.373.092	4.661.899.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.120.674.827	2.320.121.926
Thuế, phí và lệ phí	10.224.465.016	4.769.369.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.700.408.531	5.841.611.891
Chi phí bằng tiền khác	46.564.322.368	21.362.550.465
Cộng	118.300.960.651	69.069.852.961

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	33.737.273	120.909.090
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	153.346.557	54.306.176
Thu nhập do giải phóng tàu nhanh	915.763.618	-
Các thu nhập khác	2.298.069.254	797.988.225
Cộng	3.400.916.702	973.203.491

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	117.783.867	328.193.037
Chi phí giải phóng tàu nhanh	11.466.722.351	1.682.017.027
Các chi phí khác	374.920.445	217.066.933
Cộng	11.959.426.663	2.227.276.997

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	160.612.590.796	77.597.318.356
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	160.612.590.796	77.597.318.356
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	94.658.463	86.970.792
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.697	892

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	86.970.792	87.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 13/5/2008	-	(14.619)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 15/5/2008	-	(3.151)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 19/5/2008	-	(3.096)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 11/6/2008	-	(8.342)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2009	7.687.671	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	94.658.463	86.970.792

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương, tiền thưởng, thù lao	3.024.230.454
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	44.864.376
Cộng	1.388.509.571

2. Thông tin khác*Thay đổi chính sách kế toán*

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

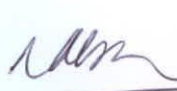
6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty			
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản		12,23	30,04
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản		87,77	69,96
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		83,92	82,73
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		16,08	17,27
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,19	1,21
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,66	1,01
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,35	0,34
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần		6,51	3,06
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần		5,70	3,06
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản		2,53	1,37
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản		2,21	1,37
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu		13,72	7,92

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 1 năm 2010


Trương Thị Thu Hương
 Người lập biểu


Phạm Đình Nhật Cường
 Trưởng phòng TCKT


Ngô Minh Lăng
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIẾN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỉ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	870.000.000.000	-	-	(8.897.976.309)	-	-	100.338.834.623	961.440.858.314
Phát sinh trong năm trước	-	-	-	22.361.813.325	-	-	-	22.361.813.325
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(902.752.100)	-	-	-	-	(902.752.100)
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh	-	-	-	(13.463.837.016)	-	-	-	(13.463.837.016)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	77.597.318.355	77.597.318.355
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	22.200.000.000	10.300.000.000	(39.438.834.623)	(6.938.834.623)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(60.900.000.000)	(60.900.000.000)
Số dư cuối năm trước	870.000.000.000	-	(902.752.100)	-	22.200.000.000	10.300.000.000	77.597.318.355	979.194.566.255
Số dư đầu năm nay	870.000.000.000	-	(902.752.100)	-	22.200.000.000	10.300.000.000	77.597.318.355	979.194.566.255
Phát sinh trong năm	230.000.000.000	68.945.452.346	-	(215.666.661.549)	-	-	-	83.278.790.797
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	160.612.590.796	160.612.590.796
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	25.063.233.739	3.900.000.000	(33.220.918.356)	(4.257.684.617)
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	-	(47.876.400.000)	(47.876.400.000)
Tăng khác	-	-	-	-	21.120.000	-	-	21.120.000
Số dư cuối năm	1.100.000.000.000	68.945.452.346	(902.752.100)	(215.666.661.549)	47.284.353.739	14.200.000.000	157.112.590.795	1.170.972.983.231


Trương Thị Thu Hương
 Người lập biểu


Phạm Đình Nhật Cường
 Trưởng phòng tài chính kế toán



TP.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2010

Ngô Minh Lăng
 Giám đốc